

Số: 134/2018/QĐST-HNGĐ

Quận 2, ngày 17 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 162/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980

Và ông Phạm Thế V, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Số A Đường B, Khu phố C, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thế V (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyển số 01/2007 ngày 30/11/2007 tại Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thế V có 01 con chung là Phạm Nam N, sinh ngày 03/5/2009.

Hai bên thỏa thuận giao con chung là Phạm Nam N cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Phạm Thế V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Hình thức giao nhận tiền trực tiếp. Thời gian giao tiền từ ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2018 trở đi cho đến khi con chung đủ mười tám tuổi.

Quyền và nghĩa vụ của ông Phạm Thế V và bà Nguyễn Thị T về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thế V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Thế V tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền lệ phí bà T và ông V đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0015060 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà T và ông V đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- UBND phường Thảo Điền, Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trúc Chi